

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 3 - 2025

V/v ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Nguyễn Thị Hoè

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án sơ thẩm ly hôn thụ lý số 141/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Trần Thị B](#), sinh năm 1996

Địa chỉ: [Thôn X, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh [Nguyễn Trường S](#), sinh năm 1993

Địa chỉ: [Thôn X, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai chị [Trần Thị B](#) (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và anh [Nguyễn Trường S](#) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 29 tháng 01 năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống; năm 2022 anh [Nguyễn Trường S](#) đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau và đã sống ly thân từ đó

cho đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn anh [Nguyễn Trường S.](#)

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 01 con chung [Nguyễn Nhật Minh Đ.](#), sinh ngày 01/01/2018; hiện đang sống với nguyên đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh [S](#) đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và tại phiên tòa anh [Nguyễn Trường S](#) (viết tắt là bị đơn) trình bày: Bị đơn nhất trí trình bày của nguyên đơn về quan hệ tình cảm, con cái, tài sản và nợ. Sau khi kết hôn vợ chồng bị đơn sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống; năm 2022 bị đơn đi lao động tại Đài Loan tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Tháng 01 năm 2025 bị đơn hết hạn lao động tại Đài Loan về Việt Nam sinh sống, làm việc nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nay nguyên đơn xin ly hôn, bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Vợ chồng bị đơn có 01 con chung [Nguyễn Nhật Minh Đ.](#), sinh ngày 01/01/2018 hiện đang sống với nguyên đơn, để ổn định cuộc sống, học tập của con chung bị đơn nhất trí để nguyên đơn được trực tiếp nuôi con; do chưa có việc làm nên bị đơn không có điều kiện để đóng góp tiền nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn, bị đơn nhất trí giao con chung cho nguyên đơn nuôi con; vợ chồng bị đơn không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn; về con chung: Giao nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung [Nguyễn Nhật Minh Đ.](#), sinh ngày 01/01/2018; chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn, tại Công văn số 2947/CV – QLXNC ngày 22/10/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh [Công an tỉnh Q](#) thì bị đơn đã xuất cảnh ngày 11/8/2022 đến tháng 10/2024 chưa nhập cảnh về Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (Bút lục số 46).

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định (bút lục số 22).

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng không có kết quả, tháng 01 năm 2025 bị đơn về Việt Nam sinh sống, làm việc và đã có bản tự khai gửi Tòa án; do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự (Bút lục số 30).

[4] Nguyên đơn và bị đơn yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình](#) vào ngày 29 tháng 01 năm 2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân không còn tình cảm từ năm 2020; nguyên đơn thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, bị đơn cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận việc thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn (bút lục số 05).

[5] Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận vợ chồng có 01 con chung [Nguyễn Nhật Minh Đ](#), sinh ngày 01/01/2018 hiện đang sống với nguyên đơn. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không phải đóng góp tiền nuôi con. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận việc nuôi con, đóng góp tiền nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[6] Quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quá trình thu thập chứng cứ chi phí tố tụng (ủy thác tư pháp) hết 1.680.000 đồng, căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này (nguyên đơn đã nộp đủ).

[8] Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ chịu án phí nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn

[9] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Trần Thị B](#) và anh [Nguyễn Trường S](#).

2. Chấp nhận sự thỏa thuận của chị [Trần Thị B](#) và anh [Nguyễn Trường S](#) về việc chị [Trần Thị B](#) trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung [Nguyễn Nhật Minh Đ](#), sinh ngày 01/01/2018; chấp nhận sự tự nguyện của [Trần Thị B](#) về việc không yêu cầu anh [Nguyễn Trường S](#) đóng góp tiền nuôi con chung. Anh [Nguyễn Trường S](#) có quyền được thăm con chung [Nguyễn Nhật Minh Đ](#) không ai được ngăn cản, sau này một trong hai bên có nhu cầu thay đổi người nuôi con, phí cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

3. Chị [Trần Thị B](#) phải chịu 1.680.000 đồng chi phí tố tụng (chị [B](#) đã nộp đủ).

4. Chị [Trần Thị B](#) phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005007 ngày 24/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; chị [B](#) được nhận lại 150.000 đồng. Anh [Nguyễn Trường S](#) phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh [Nguyễn Trường S](#) có mặt tại phiên toà biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/3/2025. Chị [Trần Thị B](#) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Quảng Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

